

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 10

## I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. B	3. A	4. C	5. B	6. A
------	------	------	------	------	------

**Câu 1:** Số thập phân gồm: năm trăm; hai đơn vị; sáu phần mười; tám phần trăm viết là:

A. 502,608

B. 52,608

C. 52,68

D. 502,68

**Phương pháp:**

Số thập phân gồm: năm trăm; hai đơn vị; sáu phần mười; tám phần trăm viết là: 502,68.

**Cách giải:**

Số thập phân gồm có: năm trăm; hai đơn vị; sáu phần mười; tám phần trăm viết là: 502,68.

**Chọn D.**

**Câu 2:** Chữ số 6 trong số thập phân 82,561 có giá trị là:

A.  $\frac{6}{10}$ B.  $\frac{6}{100}$ C.  $\frac{6}{1000}$ 

D. 6

**Phương pháp:**

Chữ số 6 trong số thập phân 82,561 có giá trị là:  $\frac{6}{100}$

**Cách giải:**

Chữ số 6 trong số thập phân 82,561 có giá trị là:  $\frac{6}{100}$

**Chọn B.**

**Câu 3:**  $5\frac{6}{100}$  viết dưới dạng số thập phân là:

A. 5,06

B. 5,600

C. 5,6

D. 5,60

**Phương pháp:**

$5\frac{6}{100}$  viết dưới dạng số thập phân là: 5,06.

**Cách giải:**

$5\frac{6}{100}$  viết dưới dạng số thập phân là: 5,06.

**Chọn A.**

**Câu 4:** Số lớn nhất trong các số: 6,235; 5,325; 6,325; 4,235 là:

A. 6,235

B. 5,325

C. 6,325

D. 4,235

**Phương pháp:**

Số lớn nhất trong các số: 6,235; 5,325; 6,325; 4,235 là: 6,325.

**Cách giải:**

Số lớn nhất trong các số: 6,235; 5,325; 6,325; 4,235 là: 6,325.

**Chọn C.**

**Câu 5:** Số thập phân 25,18 bằng số thập phân nào sau đây:

A. 25,018

B. 25,180

C. 25,108

D. 250,18

**Phương pháp:**

Số thập phân 25,18 bằng số thập phân: 25,180.

**Cách giải:**

Số thập phân 25,18 bằng số thập phân: 25,180.

**Chọn B.**

**Câu 6:** 0,05 viết dưới dạng phân số thập phân là:

A.  $\frac{5}{100}$

B.  $\frac{5}{10}$

C.  $\frac{5}{1000}$

D. 5

**Phương pháp:**

Chữ số 5 trong số 0,05 có giá trị là năm phần trăm nên có thể viết số thập phân đó dưới dạng:  $\frac{5}{100}$ .

**Cách giải:**

0,05 viết dưới dạng phân số thập phân là:  $\frac{5}{100}$ .

**Chọn A.**

## II. TỰ LUẬN

**Câu 7:** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8m 5dm = ..... m

b) 2km 65m = ..... km

c) 5 tấn 562 kg = ..... tấn

d)  $12\text{m}^2$   $5\text{dm}^2$  = .....  $\text{m}^2$

**Phương pháp:**

Viết các số đo dưới dạng hỗn số rồi chuyển sang số thập phân.

**Cách giải:**

a)  $8\text{m}5\text{dm} = 8\frac{5}{10}\text{m} = 8,5\text{m}$

b)  $2\text{km}65\text{m} = 2\frac{65}{1000}\text{km} = 2,065\text{km}$ .

c) 5 tấn 562 kg = 5, 562 tấn

d)  $12\text{m}^2$   $5\text{dm}^2 = 12\frac{5}{100}\text{m}^2 = 12,05\text{m}^2$ .

**Câu 8:** Mua 9 quyển vở hết 36000 đồng. Hỏi mua 27 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền?

**Phương pháp:**

Giải bài toán bằng phương pháp rút về đơn vị hoặc tìm tỉ số.

**Cách giải:**

27 quyển vở gấp 9 quyển vở số lần là:

$$27 : 9 = 3 \text{ (lần)}$$

Mua 27 quyển vở như thế hết số tiền là:

$$36000 \times 3 = 108\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 108 000 đồng.

**Chọn C.**

**Câu 9:** Mua 1 tá bút chì hết 18 000 đồng. Hỏi mua 48 bút chì như thế hết bao nhiêu tiền?

**Phương pháp:**

Giải bài toán bằng cách rút về đơn vị.

**Cách giải:**

Mua 1 chiếc bút chì hết số tiền là:

$$18000 : 12 = 1500 \text{ (đồng)}$$

Mua 48 bút chì như thế hết số tiền là:

$$1500 \times 48 = 72000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 72 000 đồng.

**Câu 10:** Tìm  $x$  biết:  $\frac{6}{8} = \frac{15}{x}$ .

**Phương pháp:**

Viết phân số  $\frac{6}{8}$  thành phân số tử số là 15. Từ đó suy ra  $x$ .

**Cách giải:**

$$\text{Vì } \frac{6}{8} = \frac{3}{4} = \frac{15}{20} \text{ nên } \frac{15}{20} = \frac{15}{x}$$

Vậy  $x = 20$ .